TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **43/**2025/DS – ST
Ngày: 31/3/2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Kim Hoàng
2. Bà Võ Thanh Nga

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 211/2024/TLST – DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2025/QĐST – DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2025/QĐXXST – DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1/ Ông **Đỗ Văn Q**, sinh năm 1980.
2/ Bà **Ngô Phương H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 209/15/1 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: 008 Lô B3, chung cư Phường 3, Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn Q: Bà Ngô Phương H – Là người đại diện theo ủy quyền, (theo Văn bản ủy quyền số: 000815, quyển số: 01/2024 do Văn phòng C lập ngày 10/7/2024). " Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

2. *Bị đơn*: 1/ Ông **Nguyễn Hiền S**, sinh năm 1981.
2/ Bà **Huỳnh Thị Thanh B**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ thường trú: Số A T, Phường A, Quận D - Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ cư trú: C32 Cư xá V, B, Phường B, Quận D - Thành phố Hồ Chí Minh " Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tiếp sau đó tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H - bà Ngô Phương H là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn Q (gọi tắt là Nguyên đơn**)** trình bày: Nguyên đơn đã cho ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B (gọi tắt: Bị đơn) vay số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, hai bên có đến Văn phòng C ký với nhau Văn bản thỏa thuận ngày 17/01/2023, số công chứng: 000078. Theo nội dung văn bản thỏa thuận thì ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H có cho ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B vay số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi

triệu) đồng; thời hạn vay từ ngày 16/01/2023 đến ngày 16/7/2023 và đã giao toàn bộ số tiền trên vào ngày 16/01/2023, hai bên đã đồng ý với nhau rằng lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật; hai bên đã thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1.5%/tháng, vào ngày 16 Dương Lịch hàng tháng thì Bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho Nguyên đơn. Nhưng từ khi nhận đủ tiền cho đến nay thì Bị đơn hoàn toàn không trả bất kỳ số tiền nợ gốc và lãi nào cho Nguyên đơn, mặc dù đã nhiều lần Nguyên đơn yêu cầu trả nợ nhưng Bị đơn vẫn không thực hiện. Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thì Nguyên đơn có yêu cầu như sau:

1/ Buộc Bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng và nợ lãi tạm tính từ ngày 17/01/2023 đến ngày 17/7/2024 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

2/ Bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất mà pháp luật quy định kể từ ngày 18/7/2024 cho đến khi trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Nguyên đơn.

Các buổi làm việc tiếp sau đó tại Tòa án thì Nguyên đơn chỉ yêu cầu Bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B trả lại cho Nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Bị đơn phải trả nợ lãi từ khi vay cho đến khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, thì Bị đơn còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B mặc dù đã được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng đối với vụ kiện trên nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai trình bày hoặc yêu cầu của ông S và bà B thể hiện trong hồ sơ vụ án. Qua xác minh tại địa phương nơi ông S và bà B cư trú thì được biết ông S và bà B có hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: C cư xá V, B, Phường B, Quận D - Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho ông S và bà B như sau: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập lấy lời khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông S và bà B vẫn không có mặt để tham gia hòa giải. Do đó, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, theo đơn thì Nguyên đơn vẫn giữ các ý kiến yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B mặc dù đã được tống đạt và niêm yết hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông S và bà B vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của đương sự và tại phiên tòa hôm nay có căn cứ xác định nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H có cho bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B vay số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng; thời hạn vay từ ngày 16/01/2023 đến

ngày 16/7/2023 và đã giao toàn bộ số tiền trên vào ngày 16/01/2023, hai bên đã đồng ý với nhau rằng lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật (theo Văn bản thỏa thuận tại Văn phòng C ngày 17/01/2023, số công chứng: 000078). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H đã lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B phải có nghĩa vụ trả ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu theo Văn bản thỏa thuận mà các bên đã xác lập tại Văn phòng C ngày 17/01/2023. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự về "Hợp đồng vay tài sản". Bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B có địa chỉ thường trú và hiện đang thực tế cư trú tại Quận D nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 thì đây vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B mặc dù đã được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

- Xét, đề nghị của nguyên đơn về việc không triệu tập ai khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mà chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B phải có trách nhiệm trả nợ cho Nguyên đơn theo nội dung Văn bản thỏa thuận vay tiền mà các bên đã ký kết là tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về nội dung:

- Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H yêu cầu giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B có trách nhiệm trả lại cho Nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn rút lại yêu cầu đòi Bị đơn trả nợ lãi và tự nguyện không yêu cầu Bị đơn phải trả nợ lãi từ khi vay cho đến khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành. Còn bị đơn ông Nguyễn Hiền S và

bà Huỳnh Thị Thanh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, tuy nhiên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Văn bản thỏa thuận cho vay mà các bên đã ký kết ngày 17/01/2023 tại Văn phòng C, có cơ sở xác định Nguyên đơn có cho Bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B vay số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, ông S và bà B đã nhận đủ số tiền trên. Quá trình vay tiền theo thỏa thuận tại hợp đồng thì ông S và bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Q và bà H theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của người vay.

- Xét, theo thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận thì các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật và Nguyên đơn trình bày hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 1.5%/tháng, mỗi tháng vào ngày 16 Dương lịch thì Bị đơn trả lãi cho Nguyên đơn tuy nhiên Bị đơn chưa trả cho Nguyên đơn bất kỳ số tiền nợ gốc và lãi suất từ khi cho vay đến thời điểm hiện nay. Tại các phiên hòa giải và theo nội dung đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa thì Nguyên đơn đã rút lại yêu cầu đòi Bị đơn trả nợ lãi tính từ ngày 17/01/2023 đến ngày 17/7/2024, số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và tự nguyện không yêu cầu Bị đơn phải trả nợ lãi từ khi vay cho đến khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của Nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, thì Bị đơn còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Xét, đối với yêu cầu này của Nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017: Do các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn: ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B phải có trách nhiệm trả hết số tiền nợ gốc đã vay còn thiếu cho Nguyên đơn như đã nêu trên.

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Căn cứ theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016; Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 (mười triệu) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006632 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Do Bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B phải trả cho Nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, tương ứng số tiền là 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

[6] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Đình chỉ đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B phải trả nợ lãi tạm tính từ ngày 17/01/2023 đến ngày 17/7/2024 số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, do nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H tự nguyện rút lại yêu cầu.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H:

Buộc ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B phải có trách nhiệm thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu tính đến ngày xét xử là: 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng cho ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H, (theo Văn bản thỏa thuận mà các bên đã ký kết ngày 17/01/2023, số công chứng: 000078 tại Văn phòng C).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H không yêu cầu ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B trả nợ lãi vay từ ngày 17/01/2023 cho đến khi Tòa án xét xử ngày 31/3/2025.

Kể từ ngày nguyên đơn (ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H) có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, thì người phải thi hành án (ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B) còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hiền S và bà Huỳnh Thị Thanh B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Đỗ Văn Q và bà Ngô Phương H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 (mười triệu) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006632 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Thúy